

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 08/2022/DSST-ST

Ngày 29 - 4 - 2022

V/v: Tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Bá Tấn - ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: bà Lại Thị Hiền - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế” thụ lý số: 92/2020/TLST- DSST ngày 26 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H - sinh năm 1954. *(có mặt)*

- Bị đơn: Chị Vũ Thị D - sinh năm 1995 *(có mặt)*

Đều trú tại: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị C - sinh năm 1952. *(có mặt)*

2. Bà Lại Thị L - sinh năm 1959. *(có mặt)*

3. Chị Vũ Thị A - sinh năm 1987. *(vắng mặt lần thứ hai)*

4. Vũ Thị Y - sinh năm 1989. *(vắng mặt lần thứ hai)*

Cùng trú tại: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

5. Anh Nguyễn Cảnh H - sinh năm 1983. *(có mặt)*

Trú tại: Xóm 12, xã Xuân Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

6. Ông Lê Xuân T - sinh năm 1958 *(đề nghị xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Bố mẹ của bà là ông Vũ Đình T, sinh năm 1922 (còn có tên gọi khác là ông C), chết ngày 03/4/2007 và bà Phan Thị C sinh năm 1924 (còn có tên gọi khác là bà C), chết ngày 21/01/1996. Ông T, bà C sinh được 03 người con chung gồm: bà Vũ Thị C, sinh năm 1952; bà Võ Thị H (Vũ Thị H) (Đơn xin xác nhận tại UBND thị trấn Y ngày 09/6/2020 xác nhận bà Võ Thị H và Vũ Thị H là 1 người và là con đẻ của ông T, bà C lưu tại hồ sơ vụ án), sinh năm 1954; ông Vũ Văn T1, sinh ngày 01/7/1958 (chết ngày 24/4/2002). Điều trú tại: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An (ông T1 có 2 người vợ là Nguyễn Thị K (đã chết năm 2020) và bà Lại Thị L hiện đang còn sống trên thửa đất của bố mẹ bà). Năm 1982 gia đình bà có tìm hiểu và cưới vợ cho ông T1 em trai bà là bà Nguyễn Thị K. Quá trình chung sống, do xảy ra mâu thuẫn nên ông T1 và bà K chỉ ở với nhau được một thời gian ngắn, bà K bỏ về ngoại ở và sinh anh Nguyễn Cảnh H (anh H mang họ của bà K là do bà K tự mình đi khai sinh họ cho anh H còn khi bà K về ngoại ở, gia đình bà đã sang nhà bà K vận động khuyên nhủ bà K quay lại về chung sống với ông T1 nhiều lần nhưng bà K không chịu, thời điểm đó cũng vì gia đình bà không hiểu biết pháp luật nên cho rằng không đăng ký kết hôn thì không cần làm thủ tục ly hôn giữa bà K và ông T1 và việc anh H mang họ bà K thì gia đình bà cũng đã yêu cầu bà K đưa anh H về nhận họ nhưng do cuộc sống mưu sinh và thủ tục liên quan đổi họ nhiều phức tạp nên chưa làm kịp thì bà K chết, hiện nay cả dòng họ bên nội thừa nhận anh H là dòng dõi họ Vũ và đã về nhận họ vì vậy gia đình bà thừa nhận anh H là con chung của ông T1 và bà K được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân). Do bà K không quay về nên gia đình đã cưới người vợ thứ 2 cho ông T1 là bà Lại Thị L và đã sinh được ba người con chung gồm: Vũ Thị A, sinh năm 1987; Vũ Thị Y, sinh năm 1989 và Vũ Thị D, sinh năm 1995.

Ngoài ra ông T, bà C không có người con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú nào khác.

Khi bà H và bà C lấy chồng, thì ông T1, bà L ở cùng với bố mẹ của bà tại thửa đất số 2847 (theo bản đồ 299), diện tích 389 m². Sau khi đo đạc năm 2006 đổi thành thửa 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² có địa chỉ: Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, Nghệ An (chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vì ông T1 là con trai nên phải ở với bố mẹ để lo hương khói sau này, tuy nhiên ông T1 đã bị tai nạn chết vào năm 2002 nên chỉ bà L cùng 3 người con ở cùng với ông T bố đẻ của bà. Năm 2007 ông T chết không để lại di chúc (mẹ của bà cũng đã chết năm 1996 và không có di chúc).

Do bố mẹ của bà chết đi không để lại di chúc đối với thửa đất nêu trên nhưng năm 2010 bà được biết UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất của bố mẹ bà cho bà Lại Thị L chưa có sự đồng ý của chị em bà. Nên ngày 23/4/2020 chị em bà làm đơn khiếu nại lên UBND huyện Y đề nghị thu hồi giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà L do cấp không đúng đối tượng, UBND huyện Y đã ra quyết định số: 3745/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ kết quả cấp GCNQSDĐ nêu trên.

Năm 2019 do cần có nơi thờ cúng bố mẹ đã mất, bà bỏ tiền ra xây nhà thờ

trên phần đất phía Tây thửa đất mà bố mẹ để lại (vì mẹ con bà L hoàn cảnh khó khăn, ông T1 thì đã chết nên không thể xây nhà thờ được). Nguyên vọng của bà cũng như chị em là phần đất đã xây nhà thờ làm nơi đi lại hương khói cho bố mẹ; phần đất còn lại sửa chữa nhà cửa đã cũ cho mẹ con bà L ở. Chị em đã thống nhất được với nhau như vậy nhưng chị Vũ Thị D là con của ông T1, bà L không đồng ý vì cho rằng đất mà bố mẹ bà để lại là của ông T1, bà L vì thế không thống nhất được với nhau.

Bà khẳng định di sản của bố mẹ bà để lại là thửa đất số 2847 (theo bản đồ 299), diện tích 389 m². Sau khi đo đạc năm 2006 đổi thành thửa 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² tại khối 2, thị trấn Y, huyện Y, Nghệ An có nguồn gốc từ năm 1965 (chưa có GCNQSDĐ) và một ngôi nhà ngói (cấp 4 ba gian), nhà bếp và nhà vệ sinh đã cũ bà L và các con đang ở. Khi bố mẹ của bà chết không có di chúc và chưa chia cho ai. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố mẹ bà để lại theo quy định của pháp luật thành 03 phần: Chia cho bà, bà C và ông T1 (ông T1 hiện đã chết thì chia cho vợ và các con ông T1). Nguyên vọng của bà được nhận phần đất phía Tây của thửa đất vì có 1 nhà thờ do bà đã bỏ tiền xây dựng năm 2019 để hương khói cho ông bà tổ tiên và 01 mái tôn, 01 sân xi măng.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Chị thống nhất như lời khai của bà H đã trình bày: Chị là con đẻ của ông T1 và bà L; ông T, bà C là ông bà nội của chị, ông bà nội có 03 người con chung như bà H đã trình bày.

Từ khi chị sinh ra và lớn lên cho đến nay thì chị và gia đình sống trên thửa đất hiện nay bà H đang yêu cầu chia thừa kế. Năm 1996 bà nội Phan Thị C chết không để lại di chúc, sau khi bà nội chết thì ông nội cùng với gia đình chị sống chung trên thửa đất đó. Năm 2002 bố chị bị tai nạn lao động chết. Năm 2007 ông nội Vũ Đình T chết không để lại di chúc.

-Về nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền trên đất: Chị thừa nhận có nguồn gốc như bà H trình bày và đó là di sản của ông bà nội Vũ Đình T và bà Phan Thị C để lại.

Quá trình sinh sống thì chị và gia đình không sửa chữa gì. Năm 2019 bà H có xây dựng nhà thờ ở phía Tây của thửa đất. Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà H chị không có ý kiến gì cũng như không có yêu cầu phản tố, chị không yêu cầu trích công sức bảo quản, tôn tạo. Chị thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật và có nguyện vọng nhận kỷ phần của bố là phần đất ở giữa của thửa đất. Đối với nhà thờ bà H xây dựng vào năm 2019 chị đề nghị giao cho bà H quản lý trên phần đất chia cho bà H, chị không có yêu cầu gì về ngôi nhà thờ, mái tôn, sân xi măng.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị C trình bày:

Bà nhất trí như lời khai cũng như nội dung khởi kiện của bà H nguyên đơn đã trình bày.

Nguyện vọng của bà là giao cho bà H phần đất phía Tây (phần đất có nhà thờ), bà không có yêu cầu gì đối với nhà thờ. Bà có nguyện vọng nhận phần đất phía Đông của thửa đất do bố mẹ bà chết đi để lại, phần đất ở giữa giao cho vợ con ông T1 quản lý.

Theo bản tự khai , quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị L trình bày:

Vào tháng 7 năm 1985 bà và ông T1 làm đám cưới và chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì sinh được 03 người con là Vũ Thị A, sinh năm 1987; Vũ Thị Y, sinh năm 1989 và Vũ Thị D, sinh năm 1995. Sau khi cưới vợ chồng bà ở cùng với ông T, bà C tại thửa đất bà H đang yêu cầu chia thừa kế từ thời điểm đó cho đến nay.

Sau khi ông T, bà C chết không để lại di chúc do đó năm 2010 bà có kê khai làm hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất của ông T, bà C. Nhưng khi được cấp giấy chứng nhận thì bà H có đơn đề nghị thu hồi nên UBND huyện đã thu hồi và hủy bỏ kết quả cấp đó. Việc UBND huyện Y thu hồi hủy bỏ kết quả cấp Giấy CNQSDĐ bà không có ý kiến gì. Bà cho rằng do bà không hiểu pháp luật nên kê khai dẫn đến không đúng đối tượng.

-Về nguồn gốc thửa đất và tài sản gắn liền với đất bà thừa nhận như bà H đã trình bày và đó là di sản của ông Vũ Đình Trương, bà Phan Thị C chết đi để lại. Quá trình sinh sống từ trước đến nay bà không sửa chữa gì, bà chỉ có công bảo quản, tôn tạo đất bằng phẳng.

Nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế bà không có ý kiến gì, bà không có yêu cầu độc lập bà đề nghị các đồng thừa kế trích công sức bảo quản, tôn tạo đất bằng giá trị cho bà số tiền là 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) tuy nhiên tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu trích công sức là 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng).

Đối với nhà thờ do bà H xây dựng bà đề nghị giao cho bà H quản lý.

Theo bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Cảnh H trình bày:

Anh thống nhất như lời đơn trình bày của bà H, anh trai của ông T1 và bà K. Anh sinh ra và lớn lên ở cùng với mẹ anh bên ngoại, sau này được biết do mẹ anh có mâu thuẫn với bên nội nên đã bỏ về ngoại ở, trong thời gian ở bên ngoại anh thấy đã nhiều lần bên nội (bác Tuyển trưởng tộc họ Vũ) sang gặp và nói đưa anh vào nhập họ ghi vào gia phả dòng họ nhưng vì mẹ anh khi đó đang còn sống có mâu thuẫn với bên nội nên không nhận và không cho anh đi lại sau đó mẹ anh lấy họ mẹ khai sinh cho anh. Năm 1998 anh vào Miền nam làm ăn. Năm 2002 bố anh chết do tai nạn, năm 2020 mẹ anh chết, nên chưa kịp làm thủ tục đổi họ Nguyễn sang họ Vũ được nhưng anh đã về nhận họ và gia đình bên nội thừa nhận ghi vào gia phả họ tộc.

-Về nguồn gốc thửa đất và tài sản trên đất anh thừa nhận như bà H đã trình bày. Nay bà H khởi kiện chia di sản thừa kế do ông T, bà C để lại anh không có ý kiến gì, anh đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa ông Lê Xuân T người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt

tuy nhiên quá trình giải quyết ý kiến của ông Triều trình bày như sau.

Ông là chồng bà H, ông có biết bà H xây dựng nhà thờ trên đất nhưng ông không đóng gì và cũng không yêu cầu gì về công sức, chỉ có một vài buổi ra trông coi mà thôi; ông không có yêu cầu độc lập gì; các con của ông và bà H hiện đã ra xây dựng gia đình ở riêng cũng không biết và không đóng góp, liên quan gì đến nhà thờ. Nay bà H khởi kiện ông không có ý kiến gì về phần nhà thờ vì ông không liên quan.

**Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị A, chị Vũ Thị Y quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị A, chị Yên vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi được ý kiến của những người trên.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 48 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Thụ lý đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án xác định đây là vụ án chia di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

+ Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ tố tụng giữa những người tham gia tố tụng theo đúng Điều 68 của BLTTDS.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đưa ra xét xử vụ án còn vi phạm thời hạn xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký tại phiên tòa:

- HĐXX đã tuân theo đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 242, 243, 246, 247, 249, 250, 251, 252, 253, 254, 255, 256, 257, 259, 260 và Điều 263 của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 68, 71 và 234 của BLTTDS.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Các đương sự tranh chấp với nhau về thừa kế đối với di sản thừa kế thừa đất số 2847 (theo bản đồ 299), diện tích 389 m². Sau khi đo đạc năm 2006 đổi thành thửa 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² tại khối 2, thị trấn Y, huyện Y, Nghệ An có nguồn gốc từ năm 1965 (chưa cấp Giấy CNQSDĐ) và một ngôi nhà cấp 4 ba

gian, nhà bếp và nhà vệ sinh đã cũ bà L và các con đang ở; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị A, chị Vũ Thị Y nhưng chị A, chị Y đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do; ông Lê Xuân T đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 228 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Bà Phan Thị C chết ngày 21/01/1996, ông Vũ Đình T chết ngày 03/4/2007. Ông T, bà C chết đi không để lại di chúc. Theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Căn cứ vào Điều 611; Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế của bà C là ngày 21/01/1996, ông T là ngày 03/4/2007. Do đó bà H khởi kiện ngày 08/6/2020 là vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung vụ án

[2.1]. Về di sản thừa kế

Các bên đương sự thống nhất với nhau về nguồn gốc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² tại khối 2, thị trấn Y, huyện Y, Nghệ An là do ông Vũ Đình T và bà Phan Thị C trước đây được UBND xã Tăng Thành, huyện Y, tỉnh Nghệ An giao không thu tiền sử dụng đất từ năm 1965. Hiện nay thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An xác nhận việc sử dụng đất là hợp pháp, không vi phạm các quy định về luật đất đai. Căn cứ điểm 1.3, khoản 1 của mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định di sản thừa kế ông T, bà C để lại là quyền sử dụng đất.

Đối với di sản là 01 nhà ngói (cấp 4 ba gian); 01 nhà bếp; 01 nhà vệ sinh. Trong đơn khởi kiện bà H không yêu giải quyết, tuy nhiên tại phiên tại bà H có nguyện vọng được chia di sản này cho các đồng thừa kế; các bên đương sự có mặt tại phiên tòa đều thống nhất đó là di sản thừa kế ông T, bà C để lại nên thống nhất như nguyện vọng của bà H. Xét yêu cầu này không vượt quá phạm vi khởi nên khởi kiện nên cần chấp nhận.

Ông Vũ Đình T và bà Phan Thị C có 03 người con chung nêu trên ngoài ra không có con riêng, con nuôi, con ngoài giá thú. Năm 1996 bà C chết, năm 2007 ông T chết cả hai ông bà đều không để lại di chúc. Sau khi ông T, bà C chết thì mẹ con bà Lại Thị L sinh sống trên thửa đất đó cho đến nay. Theo nguyên đơn trình bày sau nhiều lần họp mặt gia đình thì do chị D con ông T1, bà L không thỏa thuận được việc chia di sản thừa kế, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của ông T, bà C để lại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với Điều 650 của Bộ luật Dân sự nên cần được

chấp nhận.

Theo kết quả chứng thư thẩm định giá:

- Giá trị quyền sử dụng đất: $512\text{m}^2 \times 4.000.000 \text{ đ/m}^2 = 2.048.000.000$ đồng.

- Giá trị xây dựng:

+ Nhà thờ có diện tích $39,2 \text{ m}^2 \times 2.800.000 \text{ đ/m}^2 = 109.760.000$ đồng.

+ Nhà ngói có diện tích $32,85 \text{ m}^2 \times 400.000 \text{ đ/m}^2 = 13.140.000$ đồng.

+ Nhà bếp có diện tích $9,6\text{m}^2 \times 400.000 \text{ đ/m}^2 = 3.840.000$ đồng.

+ Nhà vệ sinh có diện tích $4,05 \text{ m}^2 \times 400.000 \text{ đ/m}^2 = 1.620.000$ đồng.

+ Sân xi măng có diện tích $34,7 \text{ m}^2 \times 69.000 \text{ đ/m}^2 = 2.394.300$ đồng.

+ Mái tôn có diện tích $34,7 \text{ m}^2 \times 256.000 \text{ đ/m}^2 = 8.883.200$ đồng.

+Bờ tường bao phía Tây diện tích $22,89 \text{ m}^2 \times 57.000 \text{ đ/m}^2 = 1.304.000$ đồng.

+Bờ tường bao phía Nam diện tích $33,8 \text{ m}^2 \times 57.000 \text{ đ/m}^2 = 1.926.600$ đồng.

+ Bờ tường bao phía Bắc diện tích $16,05 \text{ m}^2 \times 57.000 \text{ đ/m}^2 = 914.850$ đồng.

+ Bờ tường xây xò giữa đất diện tích $19,5 \text{ m}^2 \times 57.000 \text{ đ/m}^2 = 1.111.500$ đồng.

- Đối với nhà thờ, sân xi măng, bờ tường bao và mái tôn (thuộc phần nhà thờ) có giá trị: 126.294.450 đồng; các bên đương sự đều thừa nhận và đề nghị giao cho bà H quản lý, sử dụng. Ông Triều chồng bà H có biết bà H xây dựng nhà thờ trên đất nhưng ông không đóng gì và cũng không yêu cầu gì về công sức, các con của ông và bà H đã ra ở riêng cũng không biết và không đóng góp, liên quan gì đến nhà thờ. Do các bên không có ý kiến hay yêu cầu gì nên miễn xét.

Ông T, bà C chết không để lại nghĩa vụ về tài sản đối với ai. Như vậy di sản thừa kế của ông T, bà C để lại gồm thửa đất số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m^2 và 01 nhà ngói có diện tích $32,85$; 01 nhà bếp có diện tích $9,6\text{m}^2$; 01 nhà vệ sinh có diện tích $4,05 \text{ m}^2$ tại khối 2, thị trấn Y, huyện Y, Nghệ An có tổng giá trị là 2.066.600.000 đồng.

[2.2] Về hàng thừa kế và phương thức chia thừa kế:

Trên cơ sở các lời khai của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở xác định:

Hàng thừa kế xác định gồm: Bà Võ Thị H, bà Vũ Thị C và ông Vũ Văn Toàn. Ông Vũ Văn Toàn chết trước ông Vũ Đình T nên các con của ông T1 là Nguyễn Cảnh H, chị Vũ Thị D, Vũ Thị A, Vũ Thị Y được hưởng thừa kế thế vị đối với phần di sản của ông T để lại. Đối với phần di sản của bà C chia cho ông T1 (64m^2) thì sẽ được chia cho bà K, anh H, chị A, chị Y, chị D, nhưng bà K hiện đã chết (bố mẹ đẻ của bà K cũng đã chết) thì phần bà K được hưởng sẽ giao cho anh H quản lý, sử dụng.

Do ông T1 có 2 người vợ nên cần xem xét tính hợp pháp các cuộc hôn nhân mà ông T1 đã kết hôn để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự như sau:

-Xét quan hệ hôn nhân giữa ông T1 và bà K, HĐXX thấy mặc dù ông T1 cưới bà K không có đăng ký kết hôn nhưng đã sống chung với nhau trước ngày 03/01/1987 ngày luật Hôn nhân & Gia đình năm 1986 có hiệu lực cho dù ông T1, bà K chưa đăng ký kết hôn thì vẫn được công nhận là vợ chồng hợp pháp theo Nghị

Quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000. Mặt khác ngày 12/3/2021 Tòa án đã xác minh tại ông Vũ Văn Tuyển tộc trưởng dòng họ Vũ về thời gian cưới hỏi và thời gian chung sống cũng như chưa ly hôn của ông T1 và bà K thì ông Tuyển cung cấp thông tin trùng khớp với thông tin của bà H, bà C và anh H có xác nhận của địa phương. Anh Nguyễn Cảnh H sinh ngày 06/3/1983 nên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên cho thấy hôn nhân giữa ông T1 và bà K là hôn nhân hợp pháp, anh H là con chung được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của ông T1, bà K được pháp luật thừa nhận.

Đối với hôn nhân giữa ông T1 và bà L: HĐXX thấy ông T1 chưa làm thủ tục ly hôn với bà K mà đã cưới hỏi và chung sống như vợ chồng với bà L là vi phạm pháp luật, do đó là hôn nhân không hợp pháp tuy nhiên việc giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật không phụ thuộc vào quan hệ hôn nhân mà dựa vào quan hệ huyết thống vì vậy 3 người con chung của ông T1, bà L vẫn được hưởng quyền thừa kế thế vị đối với phần di sản của ông T để lại. Còn đối với bà L là người đã chung sống như vợ chồng với ông T1 và có công bảo quản tôn tạo di sản cũng như chăm sóc ông bà Tương, Cửu thì được tính phần công sức là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với di sản thừa kế ông T, bà C để lại là Quyền sử dụng đất thửa số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² được chia thành 3 phần như sau. Bà Võ Thị H được chia 170,666 m² x 4.000.000 đ/m² = 682.664.000 đồng. Bà Vũ Thị C được chia 170,666 m² x 4.000.000 đ/m² = 682.664.000 đồng. Kỳ phần của ông Vũ Văn Toàn 170,666 m² được chia cho anh H 52,266 m² x 4.000.000 đ/m² = 209.064.000 đồng; chị Vũ Thị A, Vũ Thị D và chị Vũ Thị D được chia mỗi người 39,466 m² x 4.000.000 đ/m² = 157.864.000 đồng.

Đối với di sản gắn liền với đất là nhà ngói, nhà bếp và nhà vệ sinh có tổng giá trị 18.600.000 đồng là di sản nằm trên phần đất của chị D, chị Y, chị A được chia. Tuy nhiên để đảm bảo giá trị sử dụng của tài sản, tránh việc chia sẽ ảnh hưởng đến kiến trúc nhà cửa, do đó giao kỳ phần của chị Y, An cho chị D và chị D có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị cho các hàng thừa kế còn lại cụ thể: Trích chia cho bà H, bà C mỗi người là 6.200.000 đồng. Trích chia cho chị A, chị Y mỗi người là 159.414.000 đồng. Trích chia cho anh H là 1.550.000 đồng.

Chị A, chị Y vắng mặt tại địa phương nên kỳ phần chị Y, chị A sẽ tạm giao cho người ở nhà quản lý và sau này có trách nhiệm giao lại cho người thừa kế vắng mặt.

Do các đương sự đều có nguyện vọng nhận hiện vật, vì vậy cần chia di sản thừa kế do ông T, bà C để lại theo hiện vật cho các bên cụ thể như sau:

+/- Bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng lô S1 diện tích 170,666 m² được giới hạn bởi các điểm A, B, Ô, G có tứ cận, kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất số 194 có chiều dài cạnh 8,22 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 7,15 m + 0,98 m. Phía Đông giáp phần đất chị D được chia (S2) có chiều dài 20,60 m. Phía Tây giáp thửa đất 209 có chiều dài 21,33 m. (sơ đồ chi tiết kèm theo)

+/- Bà Vũ Thị C được quyền quản lý, sử dụng lô S4 diện tích 170,666 m² được giới hạn bởi các điểm H, I, K, L có tứ cận, kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 1,83 m + 5,26 m + 1,41 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 8,00 m + 1,42 m. Phía Tây giáp phần đất anh H được giao (S3) có chiều dài 21,18 m. Phía Đông giáp thửa 211 có chiều dài các cạnh 10,15 m + 7,35 m m. (*sơ đồ chi tiết kèm theo*)

+/- Chị Vũ Thị D được quyền quản lý, sử dụng lô S2 diện tích 118,4 m² được giới hạn bởi các điểm B, D, E, X, M, Ô có tứ cận, kích thước như sau:

Phía Bắc giáp ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 2,09 m + 0,49 m + 1,92 m + 1,93 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 2,54 m + 2,07 m + 1,99 m. Phía Tây giáp phần đất bà H được giao (S1) có chiều dài 20,60 m. Phía Đông giáp phần đất anh H được giao có chiều dài các cạnh 8,93m + 12,55 m. (*sơ đồ chi tiết kèm theo*)

+/- Anh Nguyễn Cảnh H được quyền quản lý, sử dụng lô S3 diện tích 52,266 m² (trong đó có 12,8m² của bà K được hưởng + 39,466m² của anh H được hưởng = 52,266m²) được giới hạn bởi các điểm E, F, H, L, M, X có tứ cận, kích thước như sau:

Phía Bắc giáp ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 1,88 m + 1,46 m + 1,97 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài 1,71 m. Phía Tây giáp phần đất chị D được giao (S2) có chiều dài các cạnh 8,93 m + 12,55 m. Phía Đông giáp phần đất bà C được giao có chiều dài 22,18 m. (*sơ đồ chi tiết kèm theo*)

[2.3] Đối với nguyện vọng của bà H được nhận phần đất gắn liền nhà thờ và các công trình gồm mái tôn và sân xi măng. Do quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất giao cho bà H được quyền quản lý phần tài sản trên đất gồm nhà 01 thờ, 01 mái tôn, 01 sân xi măng. Xét thấy đây là sự thống nhất hoàn toàn tự nguyện của các bên không trái pháp luật, không trái đạo đức và phù hợp với thực tế nên cần chấp nhận.

[2.4] Quá trình bảo quản, công sức tôn tạo di sản:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định bà L sau khi lấy ông T1 về đã có thời gian dài chung sống cùng với ông T, bà C nên có công sức trong việc bảo quản, tôn tạo san phẳng mặt đất và chăm sóc ông bà khi còn sống cũng như khi ốm đau đến khi chết đi. Tại phiên tòa bà L có nguyện vọng trích công sức giá trị bằng tiền là 15.000.000 đồng cho bà.

Xét ý kiến nguyện vọng của bà L là phù hợp với thực tế và công sức đóng góp của bà. Vì vậy, cần trích chia công sức bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế cho bà L là có căn cứ.

[2.5] Về chi phí thẩm định xem xét tại chỗ và định giá tài sản: Bà Võ Thị H đã tự nguyện nộp đủ không yêu cầu các đồng thừa kế khác trả lại nên miễn xét.

[2.6] Về án phí: Anh Nguyễn Cảnh H, chị Vũ Thị A, Vũ Thị Y phải chịu án phí của người người được hưởng di sản thừa kế theo quy định.

Bà Võ Thị H, Vũ Thị C là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí. Bà Lại Thị L, chị Vũ Thị D là hộ nghèo nên căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản

1 điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà H, bà C, bà L, chị D.

[2.7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 612; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651, Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm 1.3, khoản 1 của mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ án lệ số 05/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

[1] Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với chị Vũ Thị D về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật.

+/ Bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng lô đất S1 diện tích 170,666 m² tương ứng với giá trị là 682.664.000 đồng thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² địa chỉ tại Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An được giới hạn bởi các điểm A, B, Ô, G có tứ cận, kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 194 có chiều dài cạnh 8,22 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 7,15 m + 0,98 m. Phía Đông giáp phần đất chị D được chia (S2) có chiều dài 20,60 m. Phía Tây giáp thửa đất 209 có chiều dài 21,33 m. *(sơ đồ chi tiết kèm theo)* và các tài sản gắn liền trên đất gồm 01 nhà thờ; 01 mái tôn; 01 sân xi măng.

+/ Bà Vũ Thị C được quyền quản lý, sử dụng lô đất S4 diện tích 170,666 m² tương ứng với giá trị là 682.664.000 đồng thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² địa chỉ tại Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An được giới hạn bởi các điểm H, I, K, L có tứ cận, kích thước cụ thể như sau: Phía Bắc giáp ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 1,83 m + 5,26 m + 1,41 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 8,00 m + 1,42 m. Phía Tây giáp phần đất anh H được giao (S3) có chiều dài 21,18 m. Phía Đông giáp thửa 211 có chiều dài các cạnh 10,15 m + 7,35 m m. *(sơ đồ chi tiết kèm theo)*

+/ Chị Vũ Thị D được quyền quản lý, sử dụng lô đất S2 diện tích 118,4 m² tương ứng với giá trị là 473.600.000 đồng thuộc thửa đất số: 210, tờ bản đồ số 7, diện tích 512 m² địa chỉ tại Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An được giới hạn bởi các điểm B, D, E, X, M, Ô có tứ cận, kích thước như sau: Phía Bắc giáp

ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 2,09 m + 0,49 m + 1,92 m + 1,93 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài các cạnh 2,54 m + 2,07 m + 1,99 m. Phía Tây giáp phần đất bà H được giao (S1) có chiều dài 20,60 m. Phía Đông giáp phần đất anh H được giao có chiều dài các cạnh 8,93m + 12,55 m. (*sơ đồ chi tiết kèm theo*) và các tài sản gắn liền với đất là nhà ngói (cấp 4 ba gian), nhà bếp, nhà vệ sinh tương ứng với giá trị 18.600.000 đồng.

+/- Anh Nguyễn Cảnh H được quyền quản lý, sử dụng lô đất S3 diện tích 52,266 m² (trong đó có 12,8m² của bà K được hưởng + 39,466m² của anh H được hưởng = 52,266m²) tương ứng với giá trị là 209.064.000 đồng địa chỉ tại Khối 2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An được giới hạn bởi các điểm E, F, H, L, M, X có tứ cận, kích thước như sau: Phía Bắc giáp ngõ vào thửa đất số 194 có chiều dài các cạnh 1,88 m + 1,46 m + 1,97 m. Phía Nam giáp đường xóm chiều dài 1,71 m. Phía Tây giáp phần đất chị D được giao (S2) có chiều dài các cạnh 8,93 m + 12,55 m. Phía Đông giáp phần đất bà C được giao có chiều dài 22,18 m. (*sơ đồ chi tiết kèm theo*)

Chị D có trách nhiệm trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho bà H, bà C mỗi người 6.200.000 đồng. Trích chia cho chị A, chị Y mỗi người 159.414.000 đồng. Trích chia cho anh H 1.550.000 đồng.

***Tạm giao:** Kỷ phần của chị A, chị Y cho chị D quản lý, chị D có trách nhiệm giao lại kỷ phần thừa kế cho chị A, chị Y khi trở về.

Bà Võ Thị H, Vũ Thị C, chị Vũ Thị A, Vũ Thị Y, Vũ Thị D, Nguyễn Cảnh H có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được chia nêu trên.

***Buộc:** Bà Võ Thị H, Vũ Thị C trích chia công sức cho bà Lại Thị L mỗi người 5.000.000 đồng. Buộc chị Vũ Thị A, Vũ Thị Y, Vũ Thị D và anh Nguyễn Cảnh H trích công sức cho bà Lại Thị L mỗi người 1.250.000 đồng. Bà Lại Thị L được quyền sở hữu số tiền trích chia công sức là 15.000.000 đồng.

[2] Về án phí: Bà Võ Thị H, Vũ Thị C, bà Lại Thị L, chị Vũ Thị D được miễn án phí. Chị Vũ Thị A, chị Vũ Thị Y mỗi người phải chịu 7.970.700 đồng. Anh Nguyễn Cảnh H phải chịu 10.530.700 đồng.

[3] Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H. Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu kết quả;
- Đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung